



Võ Trường Toản (...- Nhâm Tí 1792)

Võ Trường Toản (...- Nhâm Tí 1792)

Xử sĩ, nhà giáo dục thời Nguyễn sơ, hiệu là Sùng Đức, quê huyện Bình Dương, phủ Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh).

Sống vào thời loạn, không ra làm quan, mở trường dạy học. Học trò của ông khá đông và nhiều người nổi tiếng như Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định, Phạm Đăng Hưng.

Nguyễn Phúc Ánh vẫn thường vời ông đến giảng sách, bàn luận chính trị, bàn luận chính trị, muốn trọng dụng ông, nhưng ông một mực từ chối. Giới trí thức đương thời đều cảm phục tôn kính ông, gọi ông là "Gia Định xử sĩ".

Ngày 9-6 Âm lịch Nhâm Tí (27-7-1792) ông mất. Nguyễn Ánh ban hiệu cho ông là Gia Định xử sĩ Sùng Đức võ tiên sinh.

Sau khi giặc Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Phan Thanh Giản cùng với Nguyễn Thông và nhiều sĩ phu yêu nước khác đứng ra lo việc cải táng Võ

Trường Toàn về Bảo Thạnh, tỉnh Vĩnh Long (nay là tỉnh Bến Tre) với ý nghĩa là không để mộ thầy nằm trong vùng giặc chiếm.

Võ Trường Toàn là nhà giáo dục lớn sinh trưởng ở đất Đồng Nai.

Ngoài một nhà giáo, ông còn là một nhà thơ khi chữ Nôm đang trên đà phát triển. Thơ văn ông phần lớn đã thất lạc, còn lại bài "Hoài cổ phú". Với bài phú này, ông đã chứng minh một cách hùng hồn cho khả năng đại chúng của chữ Nôm (tiếng Việt), trong khi chữ Hán vẫn còn là một thứ văn tự quyết định cho văn chương.

Võ Văn Kiệt (sinh 1922)

Võ Văn Kiệt (sinh 1922), nhà hoạt động Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Quê: xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Tham gia hoạt động trong phong trào dân chủ. Gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương (1939) và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 1940 ở Vũng Liêm (1940). Bí mật khôi phục cơ sở cách mạng, lập Tỉnh uỷ Lâm thời Rạch Giá, chuẩn bị lực lượng, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở Rạch Giá (8.1945). Tổ chức lực lượng chống thực dân Pháp ở Rạch Giá, bí thư Huyện uỷ Phước Long (1946 - 1947). Uỷ viên thường vụ Tỉnh uỷ tỉnh Rạch Giá (1947 - 1949). Phó bí

thư rồi bí thư Tỉnh uỷ Bạc Liêu (1949). Tham gia đoàn đại biểu Nam Bộ ra Việt Bắc (1950) dự Đại hội lần thứ II của Đảng. Công tác ở Việt Bắc (1951 - 1952). Về Bạc Liêu, phó bí thư rồi bí thư Tỉnh uỷ Bạc Liêu (1953 - 1954). Xứ uỷ viên, phó bí thư Liên Tỉnh uỷ Hậu Giang (1955). Được điều về khu Sài Gòn - Gia Định (1959). Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, Phó Bí thư, Bí thư Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định (1959 - 1970). Uỷ viên Trung ương Cục Miền Nam (1960). Bí thư Khu uỷ Miền Tây Nam Bộ (1971 -1973), uỷ viên thường vụ kiêm thường trực Trung ương Cục Miền Nam (1973), tham gia lãnh đạo đấu tranh ở thành phố Sài Gòn, phụ trách tiếp quản thành phố Sài Gòn (1975).

Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1960), uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương các khoá IV - VIII. Uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị khoá IV, uỷ viên Bộ Chính trị các khoá V -VIII. Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1997 - 2001). Đại biểu Quốc hội các khoá VI - IX. Phó bí thư rồi bí thư Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, chủ tịch Uỷ ban Nhân dân Thành phố (1975 - 1982). Chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước (1982 - 1988). Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1982 - 1987), quyền chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (3.1988 - 6.1988). Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng (1987 - 1992). Thủ tướng Chính phủ (1992 - 1997). Huân chương Sao vàng.

Vũ Thị Thục (Đinh Sửu 17 – Quý Mão 43)

Bát Nạn (Đinh Sửu 17 – Quý Mão 43)

Công chúa, cũng gọi là Bát Nàn, có sách chép là Bát Não.

Theo truyền thuyết và thần tích làng Tiên La, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình, cùng thần tích thờ miếu ở xã Phượng Lâu, huyện Phù Ninh, nay thuộc Vĩnh Phú (thần tích do danh thần thời hậu lê là Hàn Lâm đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn): Bát Nạn công chúa là vị anh hùng như thời Trung Vương, Bà Vốn là con của Võ Công Chất và Hoàng Thị Mầu. Thân phụ bà là hào trưởng ở Phượng Lâu khi bà chào đời cha mẹ đặt tên là thực. Về sau bà nổi tiếng tài sắc, tục gọi là Thục nương. Bà có chồng là Phạm Danh Hương (có sách chép là vị Lạc hầu Trương Quán) quê ở Đức Bác (tức Liệp Trang, huyện Lập Thạch). Vợ chồng bà đều có lòng yêu nước, ngậm lo việc cứu nước giúp dân.

Bấy giờ có tên hào mục là Trần cảm tức vì không cưới được Thục nương có ý “làm phản”, nên bắt giết đi.

Năm Kỉ Hợi 39, khi Đặng Thi Sánh bị giết ở Châu Diên, thì chồng bà cũng bị giết ở Duyên Hà. Quân Tô Định vây dinh trại, chồng bà bị hại, nửa đêm bà cầm dao sông đao, mở đường máu chạy đến làng Tiên La, vào chùa ẩn thân. Từ ấy, nặng nợ nước thù nhà bà quyết chí báo phục, đêm ngày chiêu tập hào kiệt dựng cờ khởi nghĩa.

Năm Canh tí 40, tháng 3, Hai Bà Trưng lãnh đạo quân dân toàn quận phát động cuộc khởi nghĩa. Bà theo giúp cùng với nữ tướng Lê Chân thống lĩnh quân tiên phong.

Cứu quốc thành công, nước nhà độc lập, Trưng vương phong bà làm Bát Nạn đại tướng quân Trinh thực công chúa. Bà từ chối tước lộc, chỉ xin đem đầu giặt tể chồng một tuần. Tể xong, bà cởi bỏ nhung trang trở lại chùa làng Tiên La. Nhưng chẳng bao lâu nghe tin Mã Viện kéo binh sang, bà dẫn chân cứu nước lần nữa. Chị em Trưng vương tuấn quốc trong ngày 6 tháng 2, bà cũng tử tiết trong ngày 16 tháng 3 năm Quý mão 43.

Các triều đại sau đều có truy phong bà làm thần:

+ Đời Lê Thánh tông, sắc phong: Ý đức đoan trang Trinh thực công chúa.

+ Đời Minh Mạng nhà Nguyễn sắc phong: Dực bảo trung hưng linh phù chi thần.

+ Đời Khải Định sắc phong: Dực bảo trung hưng linh phù thượng đẳng thần.

Vì khi cầm binh đuổi giặc, từ cửa sông Đáy về ngã ba sông Nông, bà thường cai quản những 18 cửa ngàn, nên tục gọi bà là Thượng ngàn. Và ngôi chùa mà bà ở tu, sách chép là chùa Nam Liên ở trên núi, nên tục cũng gọi bà là sư nữ Nam Liên.

